

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/DS-PT

Ngày 30-9-2026

V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất và yêu cầu bồi thường
thiệt hại do danh dự, uy tín bị
xúc phạm

**NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Các thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh

Bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2026/DSPT ngày 26/08/2026 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại danh dự, uy tín bị xúc phạm. Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2026/DS-ST ngày 17/07/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 09 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 9 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2026/QĐ-PT ngày 26 Tháng 9 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị Lưu H, sinh năm 1957, số CCCD: 014157006556, ông Trần Huy V, sinh năm 1958, số CCCD: 036059018530; chị Trần Quỳnh A, sinh năm 1981, số CCCD: 014181006733. Địa chỉ: tổ A Q (nay là tổ B), phường T, tỉnh Sơn La. (Ông Trần Huy V và chị Trần Quỳnh A vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Quỳnh A là bà Lê Thị Lưu H. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Huy V là anh Trần Viết L, sinh năm 1983, số CCCD: 014083014068; địa chỉ tổ A Q (nay là tổ B), phường T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đinh Cao L1, sinh năm 1956; số CCCD: 014056000778. Địa chỉ: tổ I Q (nay là tổ A), phường T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của của bị đơn ông Đinh Cao L1: Ông Tòng Văn T; sinh năm 1977, số CCCD: 014077002607. Địa chỉ: Số nhà C, đường N, tổ A, phường C, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H1; sinh năm 1965, số CCCD: 001165042441. Địa chỉ: tổ I Q (nay là tổ A), phường T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1: Ông Lò Văn T1, sinh năm 1974, số CCCD: 014074002852. Địa chỉ: tổ A, phường C, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Tòng Văn P; sinh năm 1983, số CCCD: 014083003719 Địa chỉ: tổ A, phường C, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Dương Thị C; sinh năm 1960, số CCCD: 0507900005. Địa chỉ: tổ F, phường C, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. Ông Cà Văn H2; sinh năm 1973. Địa chỉ: tổ A, phường C, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đồng nguyên đơn bà Lê Thị Lưu H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn chị Trần Quỳnh A trình bày:

Năm 2004 chị Trần Quỳnh A có mua của anh Tòng Văn P và ông Tòng Văn N 01 mảnh đất nương diện tích 130,7 m² chiều giáp quốc lộ F là 6m: thửa 65b, tờ bản đồ số: 100-96, đến năm 2010 phát hiện thất lạc "Hợp đồng chuyển nhượng đất" nên gia đình chị Trần Quỳnh A làm lại hợp đồng và đã được ông N ký lại, sau đó đã được Trưởng bản ký tên, đóng dấu xác nhận. Địa chỉ thửa đất: Bản Săng, (Tổ A), phường C, tỉnh Sơn La. Đến năm 2016 ông N chết, anh Tòng Văn P được thừa kế đất đai của ông N nên giữa hai bên đã làm lại hợp đồng và công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Trần Quỳnh A.

Đến năm 2010 vợ chồng ông V và bà H có mua thêm một mảnh đất của ông N (có một phía giáp đất của Trần Quỳnh A (cùng thửa đất 65 b tờ bản đồ số 100-96), tuy nhiên khi đi làm thủ tục chuyển quyền thì được biết thửa đất đó đã bị quy hoạch để làm bệnh viện đa khoa 500 giường tỉnh Sơn La nên gia đình chưa thanh toán tiếp cho ông N. Năm 2016 ông N chết, anh Tòng Văn P (là con trai ông N) đã bán 110 m² là một phần trong mảnh đất đó cho bà Dương Thị C (sinh năm 1960, trú tại tổ F, phường C), chiều giáp quốc lộ F là 5m có 1 phía

giáp đất Q. Sau đó vợ chồng ông, bà đã mua lại thửa đất 110m² của bà C và đã thanh toán tiền cho bà C.

Năm 2017 nhà nước quy hoạch khu đất này, gia đình ông, bà lúc đầu không biết. Khi biết thì lúc đó đã có thêm 03 gia đình nữa (Đó là 03 hộ: ông Lê Huy T2, Ông Đào Ngọc T3, Ông Đinh Công T4) cũng có "hợp đồng chuyển nhượng đất" thửa 65b này. Theo ban bồi thường đo đạc thì tổng diện đất còn lại có 440 m² chiều giáp đường QL6 là 22m. Trên thửa đất đó tại thời điểm khi đó có 5 hộ có HĐCNQSDĐ. Tổng diện tích đất trên 5 hộ được chuyển nhượng đất là 804 m², Do vậy đã phát sinh tranh chấp. Sau vài lần họp gặp nhau: Ngày 26/01/2018 đại diện 6 gia đình đã nhất trí hòa giải với cách giải quyết là: lấy số diện tích thực tế chia cho 6 hộ có HĐCNQSD đất từ gia đình ông N (Khi đó ông Đinh Cao L1 có đến họp với tư cách là đại diện cho hộ ông Đinh Công T4 và cũng đồng ý theo phương án hòa giải đó. Nội dung cụ thể đã ghi trong biên bản ngày 26/01/2018 và ông L1 đã ký tên nhất trí mà không có ý kiến khác). Khi đó lãnh đạo ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố S (ông Á) có nói: "nếu các hộ được chia không đủ 4m chiều giáp đường quốc lộ 6 thì không được mua 1 suất tái định cư". Vì lý do đó, ngày 28/01/2018 đã họp lại và hộ ông Tòng Văn P đồng ý rút lui, còn lại 5 hộ thống nhất chia nhau mỗi hộ chiều giáp đường Quốc lộ 6 đủ dài trên 4 m. Trong đó hộ Trần Quỳnh A được chia 88 m² với chiều giáp đường QL6 là 4,4 m. Hộ ông Trần Huy V được chia 86 m² với chiều dài giáp QL6 là 4,3m. Hộ ông Lê Huy T2 86 m², Hộ ông Đào Ngọc T3 92 m², Hộ Ông Đinh Công T4 được 88 m². (đất chia cho hộ ông T3 và H3 ông T4 đã bị nhà nước thu hồi và đã làm đường nhựa vào cổng sau Bệnh viện mới. Như vậy hộ ông T3 và hộ ông T4 không còn đất). Ngày 07/03/2018 Bà H có theo vị trí được chia trên sơ đồ để xây bao phần đất chia cho 2 hộ (Trần Quỳnh A và Trần Huy V). Khi đó anh Đinh Hồng T5 (là người được 2 hộ: ông Đào Ngọc T3 và hộ ông Đinh Công T4 ủy quyền) đã nhận số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn) của bà H thì anh T5 để 2 gia đình sử dụng đất thực tế đã chia, bà H đã thanh toán đủ (đến nay bà H vẫn giữ giấy biên nhận tiền này).

Tháng 4 năm 2023 do mảnh đất bị đổ thải xây dựng và rác vào nhiều nên chị Trần Quỳnh A có thuê người dọn sạch khu đất và trồng cây mới, sau đó vẫn bị đổ thải xây dựng trộm vào nên tháng 6/2023 chị Trần Quỳnh A có thuê thợ xây nhà với mục đích làm nhà nuôi trồng sản xuất nấm và có chỗ nghỉ ngơi đảm bảo sinh hoạt cho người trông coi tài sản trên đất..

Ngày 19/06/2023 ông Đinh Cao L1 gửi đơn: “Đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai” gửi đến UBND phường C để tranh chấp đất đai với bà Lê Thị Lưu H. Trên đơn của ông L1 có trình bày rằng: "Căn cứ giấy tờ hợp pháp của tôi thì bà H đang chiếm dụng trái phép mảnh đất thuộc quyền sở hữu của Đinh Cao L1”.

Theo như ông Đinh Cao L1 trình bày tại phiên hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường C thì ông L1 có mua một thửa đất của ông Tòng Văn N từ năm 2004, giữa hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có xác

nhận của Ủy ban nhân dân xã C, thị xã S với loại đất là đất thổ cư + đất vườn, giấy tờ sử dụng đất lâu dài và nơi hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng được ghi nhận là tại Ủy ban nhân dân phường C mà thời điểm năm 2004 phường C chưa thành lập, lúc đó đang gọi là xã C, thị xã S. Như vậy thì ông L1 đã dùng "HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QSD ĐẤT" không hợp pháp nhằm vu khống và bôi nhọ danh dự tôi, bởi vì theo "biên bản thỏa thuận việc giải quyết tranh chấp" của các hộ liên quan và người thừa kế của ông N và U đã nhất trí thì ông L1 không có đất trên khu vực đó. Ngày 03/07/2023 Đơn của ông L1 đã được UBND phường C tổ chức họp "đối thoại, hòa giải tranh chấp đất đai" với kết luận: "hòa giải không thành".

Chúng tôi đề nghị Hội đồng xét xử:

- Buộc ông Đinh Cao L1 chấm dứt hành vi tranh chấp đất đai với gia đình bà Lê Thị Lưu H và chị Trần Quỳnh A để gia đình được tự do sử dụng đất đã được nhận chuyển nhượng từ gia đình ông Tòng Văn N và anh Tòng Văn P và đã được các hộ có liên quan nhất trí phân chia cho hộ ông Trần Huy V và hộ Quỳnh A theo biên bản thỏa thuận ngày 28/01/2018 có sự nhất trí của người thừa kế ghi trên giấy CNQSD đất và UBND phường C (nơi có đất) đã nhất trí.

- Buộc ông Đinh Cao L1 đền bù cho bà H 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng chẵn), số tiền này là bù đắp một phần tổn thất tinh thần và uy tín cá nhân của bà H (ngày 26/01/2018 ông L1 đã hợp làm đại diện cho hộ ông T4 mà không có khai báo gì về việc có "HĐCNQSD đất" đất trên khu vực đó), do việc ông L1 có biết việc gia đình bà H có được chia đất ở khu vực đó mà nay làm đơn vu khống bà H chiếm dụng trái phép đất của Đinh Cao L1. Nếu giấy tờ của ông L1 có hợp pháp như ông L1 trình bày trong đơn vậy tại sao ông L1 không làm đơn đến Tòa án để đòi đất mà lại tự ý gây mất trật tự trên khu vực.

- Buộc ông Đinh Cao L1 phải công khai xin lỗi bà H về việc đã vu khống bà H lấn chiếm đất.

Theo bản tự khai và các tài liệu, ý kiến của bị đơn ông Đinh Cao L1 và người liên quan bà Nguyễn Thị H1 thể hiện:

Năm 2004 ông L1 là người trực tiếp mua đất của ông P1, ông T2, ông T3, ông nhận hồ sơ và nhận đất do ông P1 và ông H2, ông T3 đi giao đất có ông Toán trưởng bản, ông D địa chính xã giao hồ sơ đất của ông và em ông là Đinh Công T4 mua rộng 12m x 18m.

Sau đó ông mua thêm đất của ông Đào Ngọc T3 chỉ giấy viết tay vì ông đi làm bìa họ không làm cho họ nói đất nằm vùng quy hoạch, bởi vậy ông chỉ có hợp đồng mua bán tách thửa do UBND xã Chiềng Sinh xác nhận hồ sơ còn khi ban dự án tới thì thấy bà C, bà H, ông P nhao nhao là đất của họ, ông nghĩ đằng nào cũng mất nhiều đất ít đất cũng chỉ được mua 1 xuất tái định cư nên gia đình có đồng ý thống nhất chia để họ được mua tái định cư chứ ông không mua chung đất với họ mà họ đến lấy đất của ông. Khi công trình xây dựng đất của ông còn lại 10m chiều rộng, ông chưa nhận được tiền đền bù ông sẽ xin tái định

cư tại chỗ. Tại sao bà H lại ngang nhiên đến chiếm đất rồi giờ lại kiện gia đình ông. Đất ông mua của ông Đào Ngọc T3 được tách từ bìa đồ mang tên Tòng Văn N số bìa 00976, số 412-QĐ/UB ngày 29/10/1999 tờ bản đồ số 100 – 96, số thửa 65b, đất nương rẫy, tổng diện tích 3.100m², ông mua rộng 10m x 20m chiều sâu tổng diện tích 200m².

Ông Đinh Cao L1 và bà Nguyễn Thị H1 không nhất trí với ý kiến của nguyên đơn bà Lê Thị Lưu H và đề nghị bà H phải bồi thường số cây lát trồng từ năm 2004, tổng số 13 cây x 500.000 đồng = 6.500.000 đồng; bồi thường do ông thuê người trông coi 20.000.000 đồng; bồi thường tổn thất về tinh thần 30.000.000 đồng; yêu cầu tháo dỡ toàn bộ nguyên vật liệu xây trên đất của ông và xin lỗi vợ chồng ông.

Theo bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Cao L1 là ông Tòng Văn T thể hiện:

Năm 2004 ông Đinh Cao L1 và ông Đinh Văn T6 có được ông P1 và ông T2 giới thiệu mua của ông Tòng Văn N một khu đất cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Đào Ngọc T3 kích thước 20m; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Bá H4 kích thước 20m; Phía Nam giáp đường QL6 mới kích thước 12m; Phía Bắc giáp đất ông Cà Văn H2 kích thước 12m.

Tổng diện tích nhận chuyển nhượng là 240 m² đã được lập hợp đồng chuyển nhượng, biên bản kiểm tra sơ đồ thửa đất kèm theo có xác nhận của trưởng bản, địa chính xã, Chủ tịch xã C. Tại thời điểm đó ông Đào Ngọc T3 cũng mua bên cạnh tiếp giáp đất của ông Đinh Cao L1 với diện tích là 200m² cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đất bà Lê Thị Lưu H kích thước 20m; Phía Tây giáp đất ông Đinh Cao L1 kích thước 20m; Phía Nam giáp đường QL6 mới kích thước 10m; Phía Bắc giáp đất ông Cà Văn H2 kích thước 10m.

Cũng được lập hợp đồng chuyển nhượng, biên bản kiểm tra sơ đồ thửa đất kèm theo có xác nhận của trưởng bản, địa chính xã, chủ tịch xã C, cùng thời điểm mua cùng nhau đó có ông Nguyễn Bá H4 cũng mua tiếp giáp đất của ông Đinh Cao L1 với diện tích là 180m², cả 03 hộ đều mua của ông Tòng Văn N năm 2004 tại thửa số 65b tờ 100-96 diện tích cấp 3.100m², năm 2003 dự án đường QL6 mới đã chiếm dụng vào đất của ông Tòng Văn N là 925 m² diện tích còn lại là 2.175 m² ông Tòng Văn N đã chuyển nhượng lại cho 18 hộ gia đình. Tổng diện tích đất 03 hộ gia đình mua của ông Tòng Văn N là 620 m² gồm T3, L1, H4 và đã thuê ông Cà Văn H2 trú tại bản Sắng đứng ra trồng cây lát từ năm 2004 và chăm sóc cây từ khi mua cho đến năm 2016 ông Tòng Văn N chết đi không có con đã nhận ông Tòng Văn P là con nuôi và ông Tòng Văn P đã thừa kế lại giấy CNQSD đất mang tên ông Tòng Văn N trong đó có cả phần đất ông Tòng Văn N đã bán cho 03 hộ gia đình trên là 620 m².

Việc bà Lê Thị Lưu H và ông Trần Huy V, bà Trần Thị Quỳnh A khởi

kiện ông Đinh Cao L1 ra Toà án nhân dân thành phố Sơn La chứng cứ khởi kiện do bên nguyên đơn cung cấp ông xin được làm rõ như sau:

+ Loại giấy tờ liên quan thứ nhất:

1. Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Tòng Văn N và ông Tòng Văn P lập ngày 26/10/2002 với diện tích là 150 m².

2. Giấy biên nhận chuyển nhượng QSD đất nương rẫy lập ngày 25/05/2004 giữa ông Tòng Văn P và bà Trần Thị Quỳnh A với diện tích là 132 m².

3. Biên bản kiểm tra lập ngày 01/06/2004 giữa ông Tòng Văn N và bà Trần Thị Quỳnh A với diện tích là 130,7 m².

4. Giấy biên nhận chuyển nhượng QSD đất lập ngày 25/08/2016 giữa ông Tòng Văn P và bà Cà Thị M với bà Trần Thị Quỳnh A với diện tích là 130,7m².

5. Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Tòng Văn P và bà Cà Thị M với bà Trần Thị Quỳnh A lập ngày 17/08/2017 với diện tích là 130,7 m².

Tôi xin được làm rõ như sau:

Năm 2004 ông Tòng Văn N chuyển nhượng cho bà V1 một khu đất giáp nhà ông Cà Văn H2 (Nay là cổng chính bệnh viện) với kích thước là 6m mặt đường QL6 mới và chiều sâu vào là 21,67m 130 m², cho đến năm 2016 bà V1 chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích trên là 130 m² cho bà Lê Thị Lưu H và ông Trần Huy V và đã cho con gái là Trần Thị Quỳnh A đứng tên (Lúc đó ông Tòng Văn N đã chết và ông Tòng Văn P đã làm thừa kế vào ngày 29/07/2016) để hợp thức hoá giấy tờ mua bán, bà Trần Thị Quỳnh A đã nhờ ông Tòng Văn P đứng ra ký một số giấy tờ liên quan như:

+ Giấy biên nhận chuyển nhượng QSD đất nương rẫy lập ngày 25/05/2004 giữa ông Tòng Văn P và bà Trần Thị Quỳnh A.

+ Biên bản kiểm tra lập ngày 01/06/2004 giữa ông Tòng Văn N và bà Trần Thị Quỳnh A (Không phải chữ ký của ông N).

+ Giấy biên nhận chuyển nhượng QSD đất lập ngày 25/08/2016 giữa ông Tòng Văn P và bà Cà Thị M với bà Trần Thị Quỳnh A.

Cho đến năm 2017 dự án xây dựng Bệnh viện đa khoa 550 giường thu hồi đất thì đất bà Trần Thị Quỳnh A nằm trong diện bị thu hồi và để cung cấp các giấy tờ liên quan cho ban bồi thường cho hợp lệ để xin cấp tái định cư bà Trần Thị Quỳnh A đã nhờ ông Tòng Văn P và bà Cà Thị M đứng ra ký lại Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Tòng Văn P và bà Cà Thị M với bà Trần Thị Quỳnh A lập ngày 17/08/2017 tại phòng công chứng. Vì vậy các giấy tờ trên là giấy tờ khu đất vị trí tại cổng chính bệnh viện, không liên quan gì đến khu đất tranh chấp trong vụ án.

+ Loại giấy tờ liên quan thứ hai:

Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Tòng Văn N và bà Tòng Thị Ụ với bà Lê Thị Lưu H và ông Trần Huy V lập ngày 04/10/2010 với diện tích là 900 m². Khu đất này đã được làm thủ tục sang tên bà Lê Thị Lưu H và ông Trần Huy V và đã được bán cho bà Nguyễn Thị T7 đang quản lý và sử dụng.

+ Loại giấy tờ thứ ba:

Biên bản thoả thuận ngày 26/01/2018 về việc thống nhất chia đất để xin tái định cư đối với phần diện tích đất của ông Đinh Cao L1 với diện tích là 240 m² và ông Đào Ngọc T3 với diện tích là 200 m² đã mua của ông Tòng Văn N với tổng diện tích là 440m².

Khi ban bồi thường đo đạc thu hồi đã xác định toàn bộ phần đất trên là của ông Đinh Hồng T5 (người được uỷ quyền từ ông Đinh Cao L1 và phần đất của ông T3 ông Đinh Cao L1 cũng đã mua lại vào ngày 01/06/2004 vì ông Đinh Cao L1 đi làm ăn xa không trực tiếp ký các hồ sơ bồi thường được đã uỷ quyền cho cháu ông Đinh Cao L1 là ông Đinh Hồng T5) trong quá trình kiểm đếm bồi thường đã xảy ra tranh chấp do con của ông Tòng Văn N là ông Tòng Văn P do nợ tiền vật liệu làm nhà của bà Dương Thị C và đã tự ý bán một phần diện tích đất của ông Đinh Cao L1 và ông Đào Ngọc T3 đã mua của ông Tòng Văn N với tổng diện tích là 440 m² cho bà Dương Thị C với diện tích là 110 m² để trừ vào tiền lấy vật liệu nên mới xảy ra tranh chấp. Được sự giải thích của Hội đồng bồi thường thành phố S nếu để giải quyết tranh chấp và làm rõ các vấn đề liên quan đến khu đất mà ông Đinh Cao L1 và ông Đào Ngọc T3 đã mua của ông Tòng Văn N với tổng diện tích là 440 m² sẽ rất mất thời gian và làm chậm tiến độ của dự án xây dựng bệnh viện Đ giường vì vậy Hội đồng bồi thường thành phố S đã hướng dẫn các hộ tự giàn xếp và lập thành biên bản để Hội đồng bồi thường thành phố S sẽ xem xét cấp tái định cư. Vì lúc đó giá trị bồi thường đất chẳng được bao nhiêu miễn là được xem xét cấp tái định cư nên ông Đinh Cao L1 mới nhất trí làm biên bản thoả thuận ngày 26/01/2018 về việc thống nhất chia đất để xin tái định cư theo mẫu của cán bộ ban bồi thường giải phóng mặt bằng hướng dẫn để hợp thức hoá việc chia phần đất ông Đinh Cao L1 và ông Đào Ngọc T3 đã mua của ông Tòng Văn N với tổng diện tích là 440 m² cho 06 hộ gia đình để đăng ký 06 xuất tái định cư (Biên bản này chỉ để hợp thức hoá việc chia đất tái định cư chứ không phải là để chia phần đất cho các hộ sử dụng vì phần đất này là của ông mua của ông Đào Ngọc T3 và ông Tòng Văn N diện tích là 440 m²)

Nhưng khi thu hồi làm đường vào bệnh viện mới mở xong diện tích đất ông Đinh Cao L1 và ông Đào Ngọc T3 đã mua của ông Tòng Văn N với tổng diện tích là 440 m² bị thu hồi không hết và còn lại là 12m mặt đường QL6 và chiều sâu dọc theo đường vào bệnh viện mới mở là 20m tổng diện tích là 240 m² trong đó có 02 m mặt đường QL6 và chiều sâu dọc theo đường vào bệnh viện mới mở là 20m là phần đất của ông Đinh Cao L1 đã mua với ông Tòng Văn N và có 10 m mặt đường QL6 và chiều sâu dọc theo đường vào bệnh viện mới mở là 20m là phần đất của ông Đinh Cao L1 đã mua với ông Đào Ngọc T3 trước đó.

Do đơn xin đăng ký xem xét cấp tái định cư cho 06 hộ theo biên bản thoả thuận ngày 26/01/2018 về việc thống nhất chia đất để xin tái định cư đối với phần diện tích đất của ông Đinh Cao L1 với diện tích là 240 m² và ông Đào Ngọc T3 với diện tích là 200 m² đã mua của ông Tòng Văn N với tổng diện tích là 440 m² không được Hội đồng bồi thường thành phố S chấp nhận nên phần diện tích đất đã bị thu hồi làm đường vào bệnh viện là 200 m² hiện nay ông Đinh Cao L1 vẫn chưa được nhận bồi thường.

Cho đến ngày 17 tháng 06 năm 2023 ông Đinh Cao L1 đi qua khu đất còn lại của ông Đinh Cao L1 đã mua của ông Tòng Văn N trước đó thì đã bị chặt toàn bộ cây lát ông Đinh Cao L1 đã trồng được 18 năm và đã có người xây dựng nhà trên phần đất đó ông Đinh Cao L1 hỏi ra thì mới được biết là bà Lê Thị Lưu H đang cho xây nhà trên phần đất của ông Đinh Cao L1 đã mua của ông Tòng Văn N và ông Đinh Cao L1 đã đến gặp bà Lê Thị Lưu H để làm rõ thì bà Lê Thị Lưu H nói căn cứ theo biên bản thoả thuận ngày 26/01/2018 về việc thống nhất chia đất để xin tái định cư đối với phần diện tích đất của ông Đinh Cao L1 với diện tích là 240 m² và ông Đào Ngọc T3 với diện tích là 200 m² đã mua của ông Tòng Văn N với tổng diện tích là 440 m² và ông Đinh Cao L1 đã giải thích cho bà Lê Thị Lưu H biết là biên bản đó được lập để chia nhau ra xin tái định cư khi không được chấp nhận thì nó không còn giá trị gì vì bản chất toàn bộ khu đất chia theo biên bản đó là của ông Đinh Cao L1 và ông Đào Ngọc T3 đã mua của ông Tòng Văn N bà Lê Thị Lưu H mua lại của bà Dương Thị C là không hợp pháp và ông đã có đơn gửi UBND phường C đề nghị giải quyết nhưng không thành và bà Lê Thị Lưu H và ông Trần Huy V, bà Trần Thị Quỳnh A đã khởi kiện ông Đinh Cao L1 ra Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

Ông đề nghị làm rõ việc toàn bộ sự việc mua bán đất giữa ông Đinh Cao L1 và ông Đào Ngọc T3 đã mua của ông Tòng Văn N với tổng diện tích là 440 m² và chỉ ra các nội dung bà Lê Thị Lưu H và ông Trần Huy V, bà Trần Thị Quỳnh A đã tự hợp thức hoá giấy tờ để chiếm đất của ông Đinh Cao L1, đề nghị Tòa án xem xét kiểm tra, xác minh, làm rõ.

Tại bản tự khai của ông Cà Văn H2 có trong hồ sơ thể hiện:

Năm 2003 ông và ông P1, ông X, ông T2 với ông Đào Ngọc T3 có mua đất của ông Tòng Văn N và chuyển nhượng cho bà H1, bà D1.

Đất chia 03 hộ: Ông Nguyễn Bá H4: 10x18m. Ông Đinh Cao L1 và ông T6: 12x18m. Ông Đào Ngọc T3: 10x20m.

Đã làm hồ sơ có dấu xác nhận của UBND xã C và là người trực tiếp giao hồ sơ, giao đất cho 03 gia đình trên phía cuối cùng giáp nhà xây bà H và cột điện.

Đất bà H khởi kiện gia đình ông L1 – H1 cũng lô thửa 65b, tổng đất 3.100 m² nằm trong hộ ông Tòng Văn N, diện tích 6m mặt đường x 21,67m là miếng đất cạnh gia đình ông phía cổng chính bệnh viện bây giờ, không phải chỗ đất bà H đang xây nhà. Đất của ông L1, ông T3, ông T6 có giao cho ông quản lý và

trông coi, ông có trồng cây lát, bà H chặt cây lát lấn chiếm đất xây nhà phải đền tiền cây lát cho ông là 13 cây x 500.000,đ/cây.

Tại biên bản xác minh bà Dương Thị C, sinh năm 1960, trú tại tổ F, phường C, tỉnh Sơn La thể hiện:

Khoảng năm 2016 bà có bán cho bà Lê Thị Lưu H một thửa đất lâm nghiệp với diện tích khoảng 110 m² với giá là 150.000.000 đồng, giữa hai bên đã giao đất và nhận tiền đầy đủ. Nguồn gốc của mảnh đất trên là bà mua của anh Tòng Văn P với giá hơn 200 triệu đồng. Một thời gian sau khi bệnh viện đa khoa tỉnh S lấy đất để làm bệnh viện thì UBND phường C đã mời những người mua đất của anh P đến làm việc và lúc đó bà mới phát hiện khu đất đó bán cho nhiều người. Sau đó một thời gian thì bà H đến nhà bà để mua lại mảnh đất của bà, do thấy phức tạp nên bà đã bán lại mảnh đất trên cho bà H (theo như UBND phường nói là chờ lấy đất tái định cư, nhưng do lâu quá không có thời gian chờ được nên bà đã bán cho bà H). Sau khi bán đất cho bà H thì bà và bà H có làm giấy tờ viết tay với nhau, ghi tên người mua là bà H, sau đó khoảng nửa tháng thì bà H có xuống nhà bà và nhờ bà ký vào một giấy chuyển nhượng là bà bán cho ông V (là chồng của bà H), sau khi bà ký giấy mua bán lần 2 cho ông V thì bà có đòi lại giấy chuyển nhượng đất lần đầu nhưng bà H không trả và giữa bà và bà H có xảy ra xô xát với nhau có sự chứng kiến của công an phường C. Đến nay bà cam đoan bà chỉ có một lần bán đất cho bà H chứ không bán cho ông V.

Tại biên bản xác minh anh Tòng Văn P và các tài liệu của anh P thể hiện:

Năm 2004 anh có bán đất cho bà H một mảnh đất diện tích chiều rộng khoảng 06m, chiều sâu 22m, với giá là 100 triệu đồng, khi mua bán thì anh và bà H có làm giấy tờ viết tay với nhau và trên giấy tờ là con bà H là chị Quỳnh A là người mua. Nguồn gốc đất là do bố anh cho anh, khi anh bán đất cho bà H thì bố anh vẫn còn sống.

Anh xác nhận không được bán đất cho ông Đinh Cao L1, ông L1 có mua đất của bố anh hay không thì anh không được biết.

Ngoài ra anh còn bán cho bà Dương Thị C một mảnh với diện tích 110 m². Mảnh đất anh bán cho bà H giáp đất nhà bà T7, sau đó mảnh đất anh bán cho bà H là giáp đất của bà C. Thời điểm anh bán đất cho bà H, bà C thì anh chưa được cấp bìa đỏ mang tên anh mà vẫn mang tên bìa cũ của bố anh tên là Tòng Văn N và anh được bố mẹ cho tặng.

Tại biên bản làm việc với anh Tòng Văn P thể hiện:

Năm 2002 anh được bố anh cho tặng đất thuộc bản Sảng (nay là tổ A, phường C). Mảnh đất bố anh cho anh có bìa đỏ mang tên bố anh là Tòng Văn N và anh đã làm giấy tờ là bố tặng cho con và anh cũng chưa làm thủ tục sang tên anh. Đến năm 2004 thì anh có bán cho chị Trần Quỳnh A một mảnh đất khoảng 132 m² với chiều rộng mặt đường là 06m, chiều sâu là 22m. Đến năm 2010 anh lại bán cho ông Trần Huy V hơn 110 m² với chiều rộng mặt đường là 05m, chiều

sâu là 22m nhưng lúc đó chú V chưa trả hết tiền cho anh nên anh đã bán cho bà Dương Thị C, sau đó một thời gian thì gia đình chú V lại mua lại mảnh đất đó của bà C. Hai mảnh đất đó nằm tại đường vào cổng phụ của bệnh viện đa khoa tỉnh S, mặt đường Lê D2, giáp đất nhà T2 – N1, sau đó là giáp đất của bà T7.

Việc bố anh bán đất cho ông Đình Cao L1 thì anh không biết rõ vì thực tế thì bố anh có bán cho ai thì anh không biết.

Khi anh bán đất cho chị Quỳnh A thì có ông Cà Văn N2 dẫn đến và cũng biết việc giao dịch đó và chứng kiến việc giao tiền. Hai thửa đất mà bố con anh bán cho chị Quỳnh A cũng như chú V, cô C là đất nương rẫy, gia đình dùng để trồng cà phê, trồng ngô và mía.

Tại biên bản xác minh ông Cà Văn N2, sinh năm 1947; địa chỉ: tổ A, phường C (bản Săng cũ), tỉnh Sơn La thể hiện:

Khoảng năm 2004 – 2005 khi Nhà nước vừa làm xong đường L thì qua giới thiệu ông đã dẫn chị Quỳnh A đến mua đất của ông Tòng Văn N, lúc đó ông N đang còn sống và đã cho con trai là Tòng Văn P đất và giấy tờ đất. Diện tích đất mà bố con ông N bán cho chị Quỳnh A có diện tích hơn 130 m², với chiều rộng là 6m, chiều sâu là 22m, vị trí đất hiện nằm ở đường L, sát cổng phụ phía sau của bệnh viện mà hiện nay đang có 2 bức tường xây gạch, gần mảnh đất của nhà bà T7.

Sau đó một thời gian thì anh P lại bán một mảnh đất cho ông V bên cạnh đất của chị Quỳnh A đã mua trước. Sau này ông V chưa có tiền trả thì anh P lại bán cho chị Dương Thị C, rồi gia đình ông V lại mua lại từ bà C, hai mảnh đất đó nằm cạnh sát nhau. Số đất mà ông N, anh P bán cho chị Quỳnh A và ông V là đất nương rẫy để trồng mía, trồng ngô và trồng cây gỗ lát. Khi chị Quỳnh A mua đất thì anh P đã nhận đủ tiền, cụ thể bao nhiêu thì tôi không nắm rõ.

Tại biên bản xác minh Chính quyền tổ A (bản S), phường C thể hiện:

Gia đình ông Tòng Văn N, Tòng Văn P có đất do Nhà nước cấp, bao gồm đất thổ cư + đất vườn + đất nương rẫy và được Nhà nước cấp bìa đỏ cho ông Tòng Văn N.

Số đất thổ cư và đất vườn hiện đang ở khu vực anh Tòng Văn P đang sinh sống, còn khu vực giáp đường Q (đường đôi) là đất nương rẫy của nhà ông N, anh P.

Khi ông làm trưởng bản từ năm 2015 thì gia đình chị Quỳnh A và bà H đã sử dụng tại mảnh đất đang tranh chấp cạnh đường Q. Còn số đất của ông Đào Ngọc T3, Đình Công T4 nằm ở vị trí bị thu hồi để làm đường vào cổng phụ của bệnh viện Đa khoa tỉnh S.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/9/2024 và sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn của Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện:

Về đất đai: ông Tòng Văn N đã được Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/1999, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00976/QSĐĐ/QĐ, số 412/QĐ – UB, ngày 29/10/1999, tổng diện tích được cấp là 7.840 m²; địa chỉ thửa đất: bản Sảng (tổ A), phường C, tỉnh Sơn La. Năm 2016 ông Tòng Văn N chết và đăng ký biến động sang tên cho ông Tòng Văn P (là con trai), ông P có toàn quyền sử dụng khu đất này. Ngày 10/02/2011 thửa đất số 65b trong toàn bộ diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã tách thửa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Viết L (con bà H, ông V) theo hồ sơ số 1684, diện tích 927,2 m² đất trồng cây hàng năm khác.

Tài sản trên đất: là tài sản xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp đã bị UBND phường C lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính.

Kết quả đo đạc thực tế: Tổng diện tích đất là 176,9 m², trong đó phía Đông giáp đất bà H 7,80 m; phía Đông Nam giáp đất bà N1 có chiều dài 22,95 m; phía Tây Nam giáp đường L có chiều dài 7,80 m; phía Tây Bắc giáp đường nhựa 22,95 m.

(Hình thể thửa đất có sơ đồ trích đo hiện trạng kèm theo).

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2026/DS-ST ngày 17/07/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La đã xét xử và Quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 159; Điều 228; Điều 70; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 15, Điều 105, Điều 106, Điều 107, Điều 127 Luật đất đai 2003. Điều 95, Điều 96, Điều 98, Điều 99, khoản 3 Điều 100, Điều 166, Điều 167, Điều 168 và Điều 169 Luật đất đai 2013. Điều 130, Điều 131, Điều 132, Điều 133, Điều 134, Điều 691, Điều 692, Điều 693, Điều 704, Điều 705, Điều 706 và Điều 707 Bộ luật Dân sự năm 1995. Điều 122 và Điều 129 Bộ luật Dân sự 2005. Điều 117, Điều 119, Điều 129, Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 3, khoản 6 Điều 26; khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

2. Chị Trần Thị Quỳnh A, ông Trần Huy V và bà Lê Thị Lưu H được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 176,9m² tại tổ A (bản S), phường C, tỉnh Sơn La. Thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đất bà H có chiều dài 7,80m.

- Phía Đông Nam giáp đất bà N1 (tính từ chỉ giới xây dựng) có chiều dài 22,95m.

- Phía Tây Nam giáp đường L có chiều dài 7,80m.

- Phía Tây Bắc giáp đường nhựa (đường vào cổng phụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La) có chiều dài 22,95m.

Đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00976/QSDD/QĐ, số 412/QĐ – UB, do Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Sơn La cấp ngày 29/10/1999, mang tên Tòng Văn N; địa chỉ thửa đất: bản Săng (tổ A), phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Năm 2016 ông Tòng Văn N chết và đăng ký biến động sang tên cho ông Tòng Văn P (là con trai).

(Theo sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo).

Án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền, trách nhiệm liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo trình tự, thủ tục và sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Lưu H đòi ông Đinh Cao L1 phải bồi thường số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng) tổn thất về tinh thần và uy tín bị xúc phạm.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Cao L1 đòi bà Lê Thị Lưu H phải bồi thường số tiền 56.500.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, năm trăm ngàn đồng) tổn thất về tinh thần, tiền thuê người trông coi và đền bù cây lát và không chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Cao L1 đòi bà Lê Thị Lưu H phải bồi thường số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) đền bù 13 cây lát.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/7/2026 nguyên đơn kháng cáo: Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm tuyên ngày 17/07/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về Yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Cao L1 công khai xin lỗi bà Lê Thị Lưu H, và trả cho bà Hằng số tiền 99.600.000 đồng.

Ngày 09/8/2026 đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 25/2026/DS-ST ngày 27/07/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La, đề nghị làm rõ nguồn gốc, vị trí đất của các hộ nhận chuyển nhượng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo. Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về Yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Cao L1 công khai xin lỗi bà Lê Thị Lưu H, và trả cho bà Hằng số tiền 99.600.000 đồng.

Ý kiến của bị đơn: Không nhất trí với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn bà Lê Thị Lưu H, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đinh Cao L1. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 25/2026/DSST ngày 17/07/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật và giải quyết là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn không có yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất. Cần xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại, công khai xin lỗi”. Hơn nữa ông Đinh Cao L1 không có yêu cầu phản tố, nhưng Tòa án vẫn giải quyết yêu cầu của ông L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/07/2026 và ngày 09/8/2026, Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 25/2026/DS-ST ngày 17/07/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Sơn La. Xét thấy đơn kháng cáo trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do vậy được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan ông Tòng Văn P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị C và ông Cà Văn H2 vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ), do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Đinh Cao L1 chấm dứt hành vi tranh chấp đất đai với gia đình bà Lê Thị Lưu H và chị Trần Quỳnh A để gia đình được tự do sử dụng đất đã được nhận chuyển nhượng từ gia đình Tòng Văn N và anh Tòng Văn P và đã được các hộ có liên quan nhất trí phân chia cho hộ ông Trần Huy V và hộ Quỳnh A theo biên bản thỏa thuận ngày 28/01/2018 có sự nhất trí của người thừa kế ghi trên giấy CNQSD đất và UBND phường C (nơi có đất) đã nhất trí.

- Buộc ông Đinh Cao L1 đền bù cho bà H 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng chẵn), số tiền này là bù đắp một phần tổn thất tinh thần và uy tín cá nhân của bà H (ngày 26/01/2018 ông L1 đã hợp làm đại diện cho hộ ông T4 mà không có khai báo gì về việc có "HĐCNQSD đất" đất trên khu vực đó), do việc ông L1 có biết việc gia đình bà H có được chia đất ở khu vực đó mà nay làm đơn vụ không bà H chiếm dụng trái phép đất của Đinh Cao L1. Nếu giấy tờ của ông L1 có hợp pháp như ông L1 trình bày trong đơn vậy tại sao ông L1 không làm đơn đến Tòa án để đòi đất mà lại tự ý gây mất trật tự trên khu vực.

- Buộc ông Đinh Cao L1 phải công khai xin lỗi bà H về việc đã vu khống bà H lấn chiếm đất.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ yêu cầu chấm dứt hành vi, buộc bù đắp tổn thất tinh thần và uy tín và buộc xin lỗi công khai, không có yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất và giải quyết là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Lưu H Đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Đinh Cao L1 phải công khai xin lỗi và bồi thường số tiền 99.600.000 đồng số tiền này là bù đắp một phần tổn thất tinh thần và uy tín cá nhân của bà H bị xúc phạm, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm bà H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh thiệt hại, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trên của bà H là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đinh Cao L1

[3.1] Về yêu cầu buộc bị đơn ông Đinh Cao L1 chấm dứt hành vi tranh chấp đất đai với gia đình bà Lê Thị Lưu H và chị Trần Quỳnh A để gia đình được tự do sử dụng đất đã được nhận chuyển nhượng từ gia đình Tòng Văn N và anh Tòng Văn P và đã được các hộ có liên quan nhất trí phân chia cho hộ ông

Trần Huy V và hộ Quỳnh A theo biên bản thỏa thuận ngày 28/01/2018 có sự nhất trí của người thừa kế ghi trên giấy CNQSD đất và UBND phường C (nơi có đất) đã nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, bà Lê Thị Lưu H cho rằng ông Đinh Cao L1 có hành vi tranh chấp đất đai đối với phần đất gia đình bà đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cụ thể nào chứng minh ông L1 đã có hành vi thực tế như lấn chiếm đất, chiếm giữ đất, xây dựng trên đất, cản trở việc quản lý, sử dụng đất hoặc có hành vi khác trực tiếp xâm phạm đến quyền quản lý, sử dụng đất của bà H và chị Trần Quỳnh A.

Tài liệu mà bà H viện dẫn trong đơn khởi kiện về việc ông Đinh Cao L1 tranh chấp đất đai với gia đình bà là vào ngày 19/06/2023 ông Đinh Cao L1 có đơn “đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai” gửi UBND phường C, trong đó ông L1 cho rằng bà H đang chiếm dụng trái phép phần đất thuộc quyền sử dụng của mình. Ngày 03/07/2023, UBND phường C tổ chức đối thoại, hòa giải giữa các bên và kết quả là “hòa giải không thành”.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc ông L1 gửi đơn đến UBND phường C đề nghị giải quyết tranh chấp và tham gia quá trình hòa giải chỉ thể hiện việc ông L1 cho rằng mình có quyền đối với diện tích đất đang được các bên đề cập và thực hiện quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Việc này không chứng minh ông L1 đã có hành vi lấn chiếm, chiếm giữ hoặc cản trở bà H sử dụng đất, hơn nữa diện tích đất này bà H vẫn là người đang quản lý, sử dụng trên thực tế.

Mặt khác, kết quả “hòa giải không thành” tại UBND phường C cũng chỉ phản ánh việc các bên không thống nhất được về nguồn gốc và quyền sử dụng đối với diện tích đất, không phải là căn cứ để xác định ông L1 đã thực hiện hành vi xâm phạm quyền sử dụng đất của bà H trên thực tế. Trong trường hợp không có chứng cứ chứng minh ông L1 đang trực tiếp chiếm giữ, lấn chiếm hoặc cản trở việc sử dụng đất thì không có cơ sở để buộc ông L1 phải “chấm dứt hành vi tranh chấp đất đai”.

Việc bị đơn cho rằng mình có quyền đối với một diện tích đất thì có quyền và gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền yêu cầu giải quyết không thể đồng nhất với hành vi xâm phạm quyền sử dụng đất. Nếu coi việc gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp là “hành vi tranh chấp đất đai” để buộc người gửi đơn phải chấm dứt thì đồng nghĩa với việc hạn chế quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có

thẩm quyền giải quyết khi cá nhân cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng.

Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Đinh Cao L1 chấm dứt “hành vi tranh chấp đất đai” với gia đình gia đình nguyên đơn.

Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Lê Thị Lưu H, Căn cứ đơn khởi kiện, biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Sơn La và tại phiên tòa sơ thẩm, xét thấy bà H chỉ yêu cầu ông Đinh Cao L1 chấm dứt việc tranh chấp đất đai để gia đình bà được tự do sử dụng đất, nhưng không có yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 176,9m², Tòa án cấp sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

[3.2] Xét kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Cao L1 buộc bà H phải bồi thường số cây lát trồng từ năm 2004, tổng số 13 cây x 500.000 đồng = 6.500.000 đồng; bồi thường tiền thuê người trông coi 20.000.000 đồng; bồi thường tổn thất về tinh thần 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 56.500.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, năm trăm ngàn đồng). Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm ông L1 không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh, do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của ông L1.

Từ nhận định, phân tích nêu trên cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

Đối với việc công nhận quyền sử dụng đất, các đương sự nếu có yêu cầu có quyền khởi kiện vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Do yêu cầu không được chấp nhận lẽ ra bà H phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Tuy nhiên do bà Lê Thị Lưu H là người cao tuổi nên được miễn.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần và ông Đinh Cao L1 là người cao tuổi nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng tại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, bà Lê Thị Lưu H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 8.670.000 đồng (bà H đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 điều 308, điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đinh Cao L1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2026/DS - ST ngày 17/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La như sau:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Lưu H.

2. Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị Lưu H được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Ông Đinh Cao L1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng tại sơ thẩm: Bà H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 8.670.000 đồng (bà H đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (30/09/2026).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân khu vực 1;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng GD, KT, TT và THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu

Phạm Tuấn Minh

Tòng Thị Hiền